

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN SƠN HÀ
MÃ CHƯƠNG 622 MÃ LOẠI 070 MÃ NGÀNH KT 072

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: đồng

ĐVTính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán Q1/2023	Ước thực hiện Q1/2023	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.558.865.000	1.275.288.179	82%	107%
1	Số thu phí, lệ phí	555.248.000	658.485.000	119%	185%
1.1	Lệ phí				
1.2	Thu sự nghiệp:	550.748.000	640.485.000	116%	182%
	Tổ chức học 2 buổi	102.330.000	52.660.000	51%	80%
	Tăng cường Toán-Tiếng Việt		74.880.000		
	Tổ chức quản lý phục vụ bán trú	168.750.000	211.710.000	125%	180%
	Thiết bị ,v.dụng phục vụ HS B.trú	15.000.000	700.000	5%	0%
	Anh văn tăng cường	39.600.000	470.000	1%	1%
	Ngoại khóa bao gồm (AVPM + AVBN + NK)	230.243.000	274.650.000	119%	190%
	a /Anh văn Bản ngữ & Anh văn phần mềm	170.550.000	70.000		
	b/ Năng khiếu	59.693.000	270.000		
	c /Kỹ năng sống		45.780.000		
	d/ Tin học		65.280.000		
	f/ Anh văn		163.250.000		
	Vệ sinh phí bán trú	34.425.000	25.415.000	74%	106%
1.3	Thu Khác	4.500.000	18.000.000	400%	400%
	Căn tin	4.500.000	18.000.000	400%	400%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	<u>495.645.000</u>	<u>429.473.350</u>	<u>87%</u>	168%
2.1	Chi sự nghiệp	<u>491.145.000</u>	<u>429.473.350</u>	<u>87%</u>	168%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	491.145.000	429.473.350	87%	168%
	a/ Chi Tổ chức học 2 buổi:	102.049.000	33.618.000	33%	551%

	STT	NỘI DUNG	Dự toán Q1/2023	Ước thực hiện Q1/2023	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
		Tăng cường Toán-Tiếng Việt		57.381.000		
		b/ Chi Tổ chức phục vụ bán trú	176.938.000	171.102.000	97%	150%
		c/ Chi Thiết bị ,v.dụng phục vụ HS B.trú	14.900.000		0%	0%
		d/ Chi ngoại khóa anh văn phần mềm +anh văn bản ngữ	176.025.000		0%	0%
		e/ Năng khiếu	71.359.000		0%	0%
		f/ Vệ sinh phí	21.233.000	17.950.500	85%	143%
		g/ Anh văn tăng cường	31.220.000		0%	0%
		h/ Anh văn	0	89.727.850	#DIV/0!	#DIV/0!
		i/ Kỹ năng sống	0	18.044.000	#DIV/0!	#DIV/0!
		j/ Tin học	0	41.650.000	#DIV/0!	#DIV/0!
	2.2	Chi từ hoạt động thu khác: căn tin	4.500.000		0%	0%
	II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.003.617.000	616.803.179	61%	74%
	1.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.003.617.000	616.803.179	61%	74%
0129		Chi thanh toán cá nhân :	861.999.000	565.648.369	66%	76%
6000		TIỀN LƯƠNG	319.416.000	295.145.172	92%	104%
	6001	Lương Biên chế	279.863.000	280.572.972		
	6003	Lương hợp đồng dài hạn	39.553.000	14.572.200		
6100		PHỤ CẤP LƯƠNG	144.479.000	145.339.721	101%	185%
	6101	Phụ cấp chức vụ	6.035.000	6.034.503		
	6106	PC dạy thêm; Tăng giờ; Phụ trội.	2.500.000			
	6107	Phụ cấp độc hại	2.500.000	894.000		
	6112	Phụ cấp ưu đãi	85.110.000	95.017.404		
	6113	Phụ cấp trách nhiệm.	834.000	894.000		
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề, vượt khung	47.500.000	42.499.814		
6300		CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP	87.645.000	87.363.476	100%	99%
	6301	Bảo hiểm xã hội	63.402.000	63.199.111		
	6302	Bảo hiểm Y tế	11.189.000	11.152.784		
	6303	Kinh phí công đoàn	7.459.000	7.435.189		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	3.730.000	3.717.595		

	STT	NỘI DUNG	Dự toán Q1/2023	Ước thực hiện Q1/2023	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	6349	Bảo hiểm tai nạn	1.865.000	1.858.797		
6400		THANH TOÁN CÁ NHÂN	308.000.000	37.800.000	12%	13%
	6404	Chi Clêch thu nhập so với lương N-B				
	6404	Chênh lệch so với lương Ngạch bậc				
	6449	Trợ cấp Tết TP +tiền khuyết tật +đứng nắng	308.000.000	37.800.000		
0130		Chi nghiệp vụ chuyên môn :	91.618.000	43.954.810	48%	51%
6500		THANH TOÁN DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	14.575.000	14.102.710	97%	318%
	6501	Thanh toán tiền điện	11.250.000	4.414.395		
	6502	Thanh toán tiền nước	2.875.000	9.688.315		
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh	450.000			
6600		THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN LIÊN LẠC	2.567.000	1.772.100	69%	131%
	6601	Cước điện thoại	500.000			
	6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	717.000	1.772.100		
	6118	Khoản điện thoại	1.350.000			
6700		CÔNG TÁC PHÍ	5.550.000	-	0%	0%
	6704	Khoản công tác phí	5.550.000		0%	0%
6750		CHI PHÍ THUÊ Mướn	62.802.000	28.080.000	45%	76%
	6757	Thuê lao động trong nước	62.802.000	28.080.000		
0132		Các khoản chi khác :	50.000.000	7.200.000	14%	0%
7750		CHI KHÁC	50.000.000	7.200.000	14%	0%
	7756	Các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán		7.200.000		
	7799	Chi các khoản khác	50.000.000			
	1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
0600		Chi đầu tư phát triển :	-	-		
9050		MUA SẴM TS DÙNG CHO CÔNG TÁC CN	0	-		
	9099	Tài sản khác		-		

Quận 3, ngày 14 tháng 4 năm 2023

KÊ TOÁN



Huỳnh Thanh Xuân

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Bá Luận